

Số: 85/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương là Kiểm sát viên.

Mở phiên họp về vụ án Lao động phúc thẩm thụ lý số 69/LĐPT, ngày 30 tháng 11 năm 2018. Để xét Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Lao động sơ thẩm số 21/2018/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào các Khoản 2 Điều 184, điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 96, Điều 169, Điều 170 và Điều 201 của Bộ luật lao động 2012; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Để đình chỉ giải quyết vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 18/2017/TLST-LĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp tiền lương”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Chang Koon Y. Sinh năm 1954.

Địa chỉ: 44 Đường Y, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: S, huyện L, Tỉnh A.

Địa chỉ liên lạc: 44 Đường Y, phường Đ, B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005954.2017/UQ, Quyền số 06 TP/CC-SCC-HĐGD, ngày 25/8/2017 tại Văn phòng Công chứng T).

2. Bị đơn: Công ty P.

Địa chỉ: Lô H37 Đường A, KCN X, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đ. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T1. Sinh năm 1966.

Địa chỉ: 9 Đường X, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ/2018, ngày 03/8/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Lê Minh T2 là Luật sư của Công ty Luật C thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh A.

Địa chỉ: 7-9 Đường X, phường P, Quận G,, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 14 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn ông Chang Koon Y kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Lao động sơ thẩm số 21/2018/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Với lý do: Quyết định đình chỉ của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chang Koon Y.

XÉT THẤY

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Chang Koon Y nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Xét nguyên đơn ông Chang Koon Y đã khởi kiện Công ty P về “Tranh chấp tiền lương”.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 01 năm 2018, biên bản làm việc, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chang Koon Y trình bày:

Ông Chang Koon Y bắt đầu làm việc tại Công ty P từ ngày 01/8/2014 theo hợp đồng lao động số 32.HĐLĐ-2014 ký kết với Công ty ngày 01/8/2014. Theo đó, Công ty P thuê ông Chang Koon Y làm Tư vấn, cố vấn kỹ thuật cho Công ty P. Thời hạn hợp đồng lao động là 03 (ba) năm (từ ngày 01/8/2014 đến ngày 01/8/2017).

Đến nay, thời hạn Hợp đồng đã kết thúc. Công ty P chỉ mới thanh toán cho ông Chang Koon Y tiền lương từ tháng 8/2014 đến tháng 4/2016.

Công ty P đang nợ ông Chang Koon Y tiền lương từ tháng 5/2016 đến hết ngày 01/8/2017 (thời điểm kết thúc Hợp đồng) với tiền lương của tháng 15 là 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả phát sinh cho đến thời điểm Công ty P thanh toán đầy đủ cho ông Chang Koon Y.

Mặc dù ông Chang Koon Y đã nhiều lần yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lương của các tháng còn lại là 15 tháng và tiền lãi phát sinh, nhưng Công ty vẫn không thanh toán.

Ông Chang Koon Y gửi đơn đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành hòa giải. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, người đại diện Công ty P không tham gia. Do đó, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện C đã lập biên bản hòa giải không thành.

Ông Chang Koon Y khởi kiện, yêu cầu Công ty P thanh toán cho ông Chang Koon Y tiền lương từ tháng 5/2016 đến hết ngày 01/8/2017 (là thời điểm kết thúc Hợp đồng) với tiền lương của 15 tháng là 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả phát sinh.

Theo người đại diện theo ủy quyền của Công ty P tại bản tự khai ngày 22/01/2018, bản tự khai ngày 17/5/2018, biên bản làm việc, biên bản hòa giải trình bày:

Thông qua sự giới thiệu của bạn, ông Trần Đ là Giám đốc Công ty P - người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký hợp đồng lao động với ông Chang Koon Y từ tháng 8/2014. Hợp đồng thực hiện từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2016. Kể từ tháng 5/2016 Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông Chang Koon Y theo bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ngày 02/5/2016.

Thực chất ông Chang Koon Y không làm việc tại công ty, hợp đồng này ký là để giúp ông Chang Koon Y chứng minh có nguồn thu nhập ở Việt Nam trong vụ án ly hôn giành quyền nuôi con với vợ tại Tòa án Nhân dân Quận B. Do đây là hợp đồng giả nên Công ty không có Giấy phép lao động cho ông Chang Koon Y. Ông Chang Koon Y cho công ty biết có một Giấy phép lao động tại Công ty T.

Để có chứng từ trình Tòa án Nhân dân Quận B, Công ty đã ký phiếu chi lương cho Ông Chang Koon Y từ tháng 8/2014 đến tháng 4/2016 và đã khai thuế thu nhập cá nhân cho ông Y tại Chi Cục Thuế C từ tháng 8/2014 - tháng 4/2016. Việc hợp thức hóa ký các chứng từ (phiếu chi, hợp đồng lao động) do cô Hạnh là thư ký của ông Chang Koon Y trao đổi với bà Nguyễn Ngọc Đ1 là Kế toán trưởng của Công ty P qua điện thoại và qua email. Ông Chang Koon Y nhờ Công ty khai thuế thu nhập cá nhân để ông có được tờ “Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân” và có giấy tờ từ thuế chứng minh lời khai của ông Koon Y với các cơ quan chức năng là thật. Vì vậy, Công ty đã kê khai thuế thu nhập cá nhân của ông Chang Koon Y qua mạng tất cả các tháng trễ hạn vào ngày 29/5/2016 + 30/5/2016. Toàn bộ số tiền nộp thuế thu nhập cá nhân và phạt nộp thuế trễ hạn do ông Chang Koon Y đưa tiền cho ông Trần Đ chi trả.

Khi ông Chang Koon Y thông báo đã thua trong vụ kiện ly hôn giành quyền nuôi con tại Tòa án Nhân dân Quận B, hai bên thống nhất ký bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 02/5/2016.

Tháng 8/2016, theo lời ông Chang Koon Y, vợ ông gửi đơn lên Cơ quan An ninh điều tra Thành phố Hồ Chí Minh kiện ông Chang Koon Y và Công ty P là hai bên đã ký hợp đồng lao động giả, thực chất ông Chang Koon Y không có làm việc tại Công ty. Vì vậy Cơ quan An ninh điều tra đã làm việc với Công ty P.

Tại Cơ quan điều tra bước đầu ông Chang Koon Y và ông Trần Đ đều khai đây là hợp đồng thật. Để chứng minh với Cơ quan điều tra Công ty cung cấp các phiếu chi lương và đã làm đơn gửi Chi Cục thuế C xác nhận Công ty có kê khai thuế và nộp thuế thu nhập cá nhân theo Công văn số 11/CV-2016, ngày 10/8/2018 và Công văn số 13/CV-2016, ngày 12/8/2016. Chi Cục Thuế huyện C đã trả lời

công văn xác nhận Công ty có kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân cho ông Chang Koon Y theo Công văn số 1897/TB-CCT + 1899/TB-CCT, ngày 16/8/2016.

Nhưng đến khi Cơ quan điều tra tách riêng ông Trần Đ và ông Chang Koon Y ra để lấy lời khai, ông Trần Đ đã nói sự thật đây là hợp đồng giả nhằm giúp ông Chang Koon Y chứng minh thu nhập để giành quyền nuôi con trong vụ án ly hôn với vợ. Do đó, Công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chang Koon Y.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Khi xem xét giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Khoản 2 Điều 148, điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 96, Điều 169, Điều 170 và Điều 202 của Bộ luật lao động 2012; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Để đình chỉ giải quyết vụ án vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Chang Koon Y không đồng ý với nội dung của Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Thời điểm cuối cùng ông Chang Koon Y nhận lương từ Công ty P là ngày 30/4/2016. Từ sau ngày 31/5/2016, theo ông Chang Koon Y đã trình bày ông có làm việc nhưng Công ty không trả lương cho ông, mặc dù ông Chang Koon Y đã nhiều lần yêu cầu.

Và ngày 16/8/2016 theo ông Trần Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty P trình bày ông Chang Koon Y không làm việc cho Công ty và đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 4/2016.

Tháng 12/2017 ông Chang Koon Y khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lương từ tháng 5/2016 đến ngày 01/8/2016 và tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự về “Thời hiệu khởi kiện”;

Và Điều 202 Bộ luật lao động quy định: “Thời hiệu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”.

Tính đến cuối tháng 5/2016 Công ty P không thực hiện việc trả lương cho ông Chang Koon Y, đây cũng là thời điểm ông Chang Koon Y biết được hành vi vi phạm của Công ty, đồng thời là căn cứ để tính thời hiệu khởi kiện, nhưng ông không thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Vì vậy, những căn cứ mà nguyên đơn ông Chang Koon Y kháng cáo là không phù hợp.

Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã: Căn cứ vào các Khoản 2 Điều 184, điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 96,

Điều 169, Điều 170 và Điều 201 của Bộ luật lao động 2012; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; để đình chỉ vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

Theo đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp trình bày:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn ông Chang Koon Y không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Lao động sơ thẩm số 21/2018/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào các Khoản 2 Điều 184, điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 96, Điều 169, Điều 170 và Điều 201 của Bộ luật lao động 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Thời hiệu khởi kiện của ông Chang Koon Y đã hết, việc đình chỉ giải quyết vụ án là đúng pháp luật, nên kháng cáo của nguyên đơn ông Chang Koon Y không có căn cứ được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 314, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Chang Koon Y.
2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Lao động sơ thẩm số 21/2018/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Về án phí: Ông Chang Koon Y không phải chịu án phí.
4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tối cao (1);
- Tòa án ND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát ND Tp. HCM (1);
- Tòa án ND huyện C (2);
- Cục Thi hành án DS Tp. HCM (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu. (25b);

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Văn Xuân